

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của
trường trung học cơ sở Hai Bà Trưng
năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1614	403	292	473	446
1	Tốt	1548 = 95,91%	389 = 96,53%	280 = 95,89%	440 = 93,02%	439 = 98,43%
2	Khá	64 =3,97%	14 = 3,47%	12 = 4,11%	31 = 6,55%	7 =1,57%
3	Trung bình	2 = 0,42%	00	00	2 = 0,42%	00
4	Yếu	00	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	1614	403	292	473	446
1	Giỏi	765 = 47,40 %	196 = 48,64%	133 = 45,55%	224 = 47,36%	212 = 47,53%
2	Khá	575 = 35,63%	146 = 36,23%	110 = 37,67%	156 = 32,98%	163 = 36,55%
3	Trung bình (Đạt)	239 = 14,8%	57 = 14,14%	44 = 15,07%	70= 14,8%	68 = 15,25%
4	Yếu (Chưa đạt)	34 = 2,11%	4 = 0,99%	5 = 1,71%	22= 4,65%	3 = 0,67%
5	Kém (Chưa đạt)	01= 0,06%	00	00	1 = 0,21%	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	98,03%	99,5%	99,7%	99,6%	100 %
a	Học sinh giỏi	95,89%	51,73%	47,78%	43,16%	48,65%
b	Học sinh tiên tiến	60,78%	00	00	27,37%	33,41%
2	Thi lại	5,44%	1,24%	1,03%	3,17%	00
3	Lưu ban	1,26%	0,5%	0,34%	0,42%	00

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Chuyển trường đến/đi	2,55%	1,24%	0,68%	0,63%	00
5	Bị đuổi học	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	2	0,2%	0,3%	00	00
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25	1	4	9	11
1	Cấp quận	40	00	00	00	40
2	Cấp tỉnh/thành phố	21	00	00	00	21
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	446	00	00	00	27
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	446	00	00	00	27
1	Giỏi	48,7%	00	00	00	48,7%
2	Khá	33,4%	00	00	00	33,4%
3	Trung bình	17,9%	00	00	00	17,9%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	867/747	205/197	149/143	253/222	261/185
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	52	15	8	12	17

Quận 3, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng



Đỗ Thị Kim Phương